

Bản án số: 39/2020/DS-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đào Xuân Hải.
2. Ông Trần Văn Thiện.

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương—Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-DS ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Tiến Trại, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

* Bị đơn: Bà Chu Thị Y, sinh năm 1964 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B;

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B;

- Ông Hoàng Phúc K, sinh năm 1968 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B;

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Ông Trần Quý Mưu, sinh năm 1957 (Có mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Tiến P, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.

- Bà Trương Thị Bắc, sinh năm 1965 (Có mặt)
Cư trú: Số 23, Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.
- Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1964 (Có mặt)
Cư trú: Số 249, phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà Chu Thị Y có đặt vấn đề vay tiền của bà một số lần, cụ thể:

Ngày 20/4/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y có vay của bà số tiền gốc 10.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình. Bà và bà Y thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/năm, thời hạn vay là 01 năm tức là đến ngày 20/4/2014 dương lịch thì bà Y có nghĩa vụ trả cả gốc và lãi nhưng không ghi vào giấy biên nhận. Bà đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho bà Y nhưng khi đến hạn bà Y chưa thanh toán cho bà đồng nào.

Ngày 20/5/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y có vay của bà số tiền gốc 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/năm, thời hạn trả là ngày 20/5/2014 dương lịch nhưng đến hạn bà Y cũng không thanh toán gốc và lãi cho bà.

Ngày 26/5/2013 dương lịch tức ngày 17/4/2013 âm lịch, bà Y vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/năm. Hẹn ngày 26/5/2014 dương lịch thì bà Y trả. Cách đây 02 năm bà đòi nhưng bà Y cũng không thanh toán gốc và lãi cho bà.

Ngày 14/10/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y vay tiếp của bà 30.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận miệng lãi suất là 700 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng. Bà Y hẹn đến ngày 24/10/2013 dương lịch thì trả cả gốc và lãi.

Trong cả 04 lần vay tiền kể trên thì bà và bà Y đều lập giấy biên nhận vay tiền do bà viết nội dung và bà Y ký, ghi họ tên vào mục “Người vay tiền”, bà đã giao đầy đủ số tiền cho vay của từng lần vay cho bà Y. Tất cả các khoản vay trên thì chỉ hẹn miệng về thời gian trả nợ. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ của từng lần vay thì bà Y đều không thanh toán được cho bà khoản tiền gốc hay lãi nào. Cách đây hai năm bà đòi tiếp 04 khoản nợ trên nhưng bà Y không trả nợ đồng nào.

Bà xác định giữa năm 2014 vợ chồng bà là Trần Thị H, Nguyễn Văn T mua gán nợ của vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K đối với:

01 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m bị thủng, trị giá mỗi miếng là 10.000.000 đồng; 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 12.500.000 đồng; 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 5.000.000 đồng. Bà đến nhà vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K để chở 05 miếng gỗ Sao Xanh trên về nhà bà. Bà Y đưa trả thêm 5.000.000 đồng tiền mặt là tiền gốc và đưa thêm lãi (bà không nhớ

tiền lãi) cho bà để thanh toán giấy vay 50.000.000đồng vay ngày 27/4/2013 âm lịch và do đã thanh toán xong khoản 50.000.000đồng gốc, lãi của giấy vay tiền ngày 27/4/2013 âm lịch nên bà đã gạch chéo xóa giấy vay nợ này. Việc mua gán nợ trên không liên quan đến 04 mã vay tổng số tiền gốc 210.000.000đồng mà bà khởi kiện. Vợ chồng bà không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì đối với việc mua gán nợ gỗ trên.

Nên bà xác định không có việc năm 2016 hoặc năm 2017 vợ chồng bà mua hoặc gán trả nợ 03 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 15.000.000đồng và 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 10.000.000đồng như vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K khai. Vợ chồng bà cũng không viết giấy chốt nợ hoặc thông toán gì với vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K. Vợ chồng bà là Trần Thị H, Nguyễn Văn T từ chối tham gia đối chất với vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K.

Nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Chu Thị Y trả bà số tiền gốc là 210.000.000 đồng. Nay bà không yêu cầu bà Y phải trả lãi 0,75%/tháng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với tổng số tiền vay gốc 210.000.000đồng.

Việc cho bà Y vay tiền không liên quan đến cH bà là ông Nguyễn Văn T, số tiền cho vay không liên quan đến tài sản chung của vợ cH. Bà từ chối hòa giải, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà tại các phiên tòa.

Ông Hoàng Phúc K cũng không tham giao dịch hoặc vay tiền gì của bà.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Chu Thị Y trình bày:*

Bà và bà Trần Thị H có quan hệ quen biết. Bà có vay tiền bà H 03 lần, cụ thể là vay 20.000.000 đồng vào ngày 14/4/2013 âm lịch, vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/4/2013, vay 30.000.000 đồng vào ngày 14/10/2013 theo 03 giấy biên nhận vay tiền mà bà H nộp cho Tòa án là đúng. Mục đích bà vay tiền bà H 03 lần kể trên là để làm ăn riêng, khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và chỉ thỏa thuận là vay nóng, khi nào có tiền thì trả ngay chứ không ghi thời hạn vay cụ thể. Sau 03 lần vay kể trên, bà đã trả hết số tiền gốc và lãi của từng mã vay cho bà H, có lần đưa tiền mặt, có lần gán trả bằng 03 tấm ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi tấm rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m và 02 tấm ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m nhưng đều không lập giấy tờ gì. Bà đã được Tòa án giải thích quy định về Điều 200 về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn; Điều 202 thủ tục phản tố của Bộ Luật tố tụng dân sự thì bà không làm thủ tục phản tố, bà không đóng tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố. Bà không có tranh chấp gì. Hiện nay ngoài lời trình bày ra thì bà không có giấy biên nhận mua bán 05 tấm gỗ Sao Xanh trị giá 65 triệu đồng cho bà Trần Thị H. Sau này bà ra tù bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác về bán 05 tấm gỗ Sao Xanh này.

Riêng đối với số tiền vay 150.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 20/5/2013 tức ngày 11/4/2013 âm lịch thì bà xác định bà không vay bà H số tiền này, bà không biết tại sao bà H lại có Giấy biên nhận vay tiền 150.000.000 đồng có chữ ký của bà.

Bà thừa nhận chữ viết và ký tên “Y – Chu Thị Y” ở mục “Người vay” trong 04 Giấy biên nhận vay tiền đề các ngày 20/4/2013, 20/5/2013, 14/10/2013 dương lịch và 14/4/2013 âm lịch mà bà H nộp cho Tòa án đều là chữ viết và ký tên của bà. Còn các chữ viết tay ở phần nội dung trong 04 giấy biên nhận trên là do bà H viết. Bà đã được Tòa án giải thích quy định về giám định nhưng bà không yêu cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký trong 04 Giấy biên nhận vay tiền kể trên.

Nay bà xác định bà không nợ bà Trần Thị H khoản tiền gốc hay lãi nào nữa, bà không đồng ý trả bà H số tiền gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi mà bà H yêu cầu.

Đây là khoản vay của riêng bà, ông K không tham gia giao dịch vay tiền với bà H và số tiền vay 60.000.000 đồng đã trả thì bà chỉ tiêu cá nhân, không dùng vào nhu cầu thiết yếu hoặc phát triển kinh tế gia đình, không liên quan tài sản chung vợ chồng nên bà đề nghị không đưa chồng bà là ông Hoàng Phúc K vào tham gia tố tụng.

** Tại Bản tự khai ngày 08/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Phúc K trình bày:*

Ông là chồng bà Chu Thị Y. Việc vay nợ, trả nợ, gán trả nợ giữa vợ ông và bà Trần Thị H như thế nào thì ông không biết, không tham gia giao dịch và không được sử dụng số tiền vay liên quan đến 04 giấy biên nhận vay tiền ghi các ngày 20/4/2013, ngày 20/5/2013, ngày 14/4/2013, ngày 14/10/2013 với tổng số tiền 210.000.000 đồng mà bà H nộp cho Tòa án trong vụ án này. Việc vay nợ 210.000.000 đồng này không liên quan đến ông và cũng không liên quan đến tài sản chung vợ chồng ông. Vợ ông là Y cũng không sử dụng số tiền đã vay bà H theo các giấy biên nhận vay tiền trên để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình ông.

Về việc giao gỗ cho vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T thì ông xác định: Khoảng năm 2014 ông có hai lần giao gỗ cho vợ chồng bà H, ông T, gồm: Một lần giao gỗ tại nhà ông, lúc đó có ông Trần Quý Mưu, bà Nguyễn thị Bắc (không có mặt bà Y, bà H). Ông có giao cho ông T 03 tấm gỗ Sao Xanh mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m để ông T chở xe ngựa về. Một lần ông gửi cho ông T 02 miếng gỗ Sao Xanh mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m (gửi bằng ô tô về nhà ông T). Tổng giá trị 05 tấm gỗ Sao Xanh trên là 60.000.000 đồng. Cả hai lần giao gỗ trên ông đều không lập giấy tờ giao nhận với vợ chồng ông T, bà H. Mục đích ông giao gỗ cho ông T để gán trả nợ cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc gán trả nợ này cũng không lập giấy tờ gì. Nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc gán trả nợ 05 tấm gỗ trị giá 60.000.000 đồng trên cho vợ chồng ông T, bà H. Nếu sau này có yêu cầu thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông xác định vợ ông là Trần Thị H cho bà Chu Thị Y vay tiền các mã vay tổng số tiền 210.000.000 đồng dưới đây gồm:

Ngày 20/4/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y có vay của vợ ông số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y có vay của vợ ông số tiền gốc 150.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2013 dương lịch tức ngày 17/4/2013 âm lịch, bà Y vay của vợ ông số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2013 dương lịch, bà Chu Thị Y vay tiếp của vợ ông 30.000.000 đồng.

Ông xác định toàn bộ tổng số tiền gốc 210.000.000 đồng mà vợ ông là Trần Thị H cho bà Chu Thị Y vay trên thì ông không tham gia giao dịch vay và cũng không liên quan tài sản chung vợ chồng.

Ông xác định giữa năm 2014 vợ chồng ông là Nguyễn Văn T, Trần Thị H mua gán nợ của vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K đối với: 01 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m bị thủng, trị giá là 10.000.000 đồng; 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 12.500.000 đồng; 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 5.000.000 đồng. Vợ ông đến nhà vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K để chở 05 miếng gỗ Sao Xanh trên về nhà ông. Bà Y đưa trả thêm 5.000.000 đồng tiền mặt là tiền gốc và đưa thêm lãi (ông không nhớ tiền lãi) cho vợ ông để thông toán giấy vay 50.000.000 đồng vay ngày 27/4/2013 âm lịch và do đã thông toán xong khoản 50.000.000 đồng gốc, lãi của giấy vay tiền ngày 27/4/2013 âm lịch nên vợ ông đã gạch chéo xóa giấy vay nợ này. Việc mua gán nợ trên không liên quan đến 04 mã vay tổng số tiền gốc 210.000.000 đồng mà vợ ông khởi kiện. Vợ chồng ông không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì đối với việc mua gán nợ trên.

Nên ông xác định không có việc năm 2016 hoặc năm 2017 vợ chồng ông mua hoặc gán trả nợ 03 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 15.000.000 đồng và 02 miếng ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi miếng rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m, trị giá mỗi miếng là 10.000.000 đồng như vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K khai. Vợ chồng ông cũng không viết giấy chót nợ hoặc thông toán gì với vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K. Vợ chồng ông là Trần Thị H, Nguyễn Văn T từ chối tham gia đối chất với vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K.

Nay vợ ông là Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Chu Thị Y trả vợ ông số tiền gốc là 210.000.000 đồng thì ông không liên quan nên đề nghị không đưa ông tham gia tố tụng. Ông từ chối hòa giải, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông tại các phiên tòa.

Ông Hoàng Phúc K cũng không tham gia hoặc vay tiền gì với vợ chồng ông.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 12/8/2020, 18/8/2020 và đối chất nhưng bà Trần Thị H đều có đơn đề nghị vắng mặt nên không tiến hành hòa giải hoặc đối chất được. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Khoản 3 Điều 144; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 của BLDS 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 429; Điều 468 của BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc bà Chu Thị Y có nghĩa vụ trả bà Trần Thị H tổng số tiền gốc là: 210.000.000đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị H về yêu cầu bà Chu Thị Y trả lãi 0,75%/tháng đối với tổng số tiền vay gốc 210.000.000đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Chu Thị Y phải chịu 10.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng Phúc K nhưng các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án này thì đương sự đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị H với bà Chu Thị Y và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng bà Chu Thị Y không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên bà Y phải chịu hậu quả pháp lý.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay bà Trần Thị H kiện đòi bà Chu Thị Y có trách nhiệm trả tổng khoản tiền vay gốc 210.000.000 đồng tại các giấy biên nhận vay tiền ghi các ngày: 20/4/2013 dương lịch (Tức ngày 11/3/2013 âm lịch), lãi suất miệng 1%/năm, hạn miệng 20/4/2014 dương lịch thì trả nợ; Ngày 20/5/2013 dương lịch (Tức ngày 11/4/2013 âm lịch) lãi suất miệng 1%/năm, hạn miệng 20/5/2014 dương lịch thì trả nợ; Ngày 26/5/2013 dương lịch (Tức ngày 17/4/2013 âm lịch), lãi suất miệng 1%/năm, hạn miệng khi nào cần mà đòi thì trả nợ, 02 năm trước bà H đòi nợ nhưng bà Y không trả nợ; Ngày 14/10/2013 dương lịch (Tức ngày 10/9/2013 âm lịch), lãi suất là 700đồng/01 triệu đồng/ngày, hạn miệng đến 24/10/2013 thì trả nợ cho bà Trần Thị H là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, có lãi suất”.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Chu Thị Y ký nhận giấy vay nợ tiền của bà Trần Thị H tại các giấy biên nhận vay tiền ghi các ngày: Ngày 20/4/2013 dương

lịch (Tức ngày 11/3/2013 âm lịch), lãi suất miệng 1%/năm, hện miệng đến 20/4/2014 thì trả nợ; Ngày 20/5/2013 dương lịch (Tức ngày 11/4/2013 âm lịch) lãi suất miệng 1%/năm, hện miệng đến 20/5/2014 thì trả nợ; Ngày 26/5/2013 dương lịch (Tức ngày 17/4/2013 âm lịch), lãi suất miệng 1%/năm hện miệng khi nào cần mà đòi thì trả nợ, 02 năm trước bà H đòi nợ nhưng bà Y không trả nợ; Ngày 14/10/2013 dương lịch (Tức ngày 10/9/2013 âm lịch), lãi suất là 700đồng/01 triệu đồng/ngày, hện miệng đến 24/10/2013 thì trả nợ. Đến hện bà H đòi nợ nhưng bà Y chưa trả tiền gốc, lãi đồng nào. Đến nay bà Y yêu cầu áp dụng thời hiệu nên đòi chiếu theo Điều 184 BLTTDS thì đã quá thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là các giấy biên nhận vay tiền ghi các ngày: 20/4/2013 dương lịch (Tức ngày 11/3/2013 âm lịch; Ngày 20/5/2013 dương lịch (Tức ngày 11/4/2013 âm lịch); Ngày 26/5/2013 dương lịch (Tức ngày 17/4/2013 âm lịch); Ngày 14/10/2013 dương lịch (Tức ngày 10/9/2013 âm lịch) có chữ ký của người vay là bà Chu Thị Y ký nhận vay tiền của bên cho vay tiền là bà Trần Thị H.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Chu Thị Y viết và ký nhận nợ ngày 20/4/2013 dương lịch (Tức ngày 11/3/2013 âm lịch) đối với số tiền 10.000.000đồng, hện miệng đến hện 20/4/2014 thì trả nợ; ký nhận nợ ngày 20/5/2013 dương lịch (Tức ngày 11/4/2013 âm lịch) đối với số tiền 150.000.000đồng hện miệng đến 20/5/2014 thì trả nợ; ký nhận nợ ngày 26/5/2013 dương lịch (Tức ngày 17/4/2013 âm lịch) đối với số tiền 20.000.000đồng, hện miệng khi nào cần mà đòi thì trả nợ, 02 năm trước bà H đòi nợ nhưng bà Y không trả nợ; ký nhận nợ ngày 14/10/2013 dương lịch (Tức ngày 10/9/2013 âm lịch) 30/8/2019 dương lịch đối với số tiền 30.000.000đồng hện miệng ngày 24/10/2013 dương lịch trả nợ.

Bà Chu Thị Y đã được Tòa án giải thích về thủ tục giám định, quyền yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong 04 giấy Biên nhận vay tiền nhưng bà Y không yêu cầu giám định và Tòa án ra quyết định yêu cầu bà Y cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng ngoài lời khai thì bà Y không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc chỉ vay tổng số tiền gốc là 60.000.000đồng tại các giấy vay ngày 20/4/2013 dương lịch; 17/4/2013 âm lịch; 14/10/2013 dương lịch với lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày, không xuất trình được chứng cứ chứng minh không vay số tiền 150.000.000đồng tại giấy vay tiền ngày 20/5/2013 dương lịch và chứng cứ chứng minh đã thanh toán trả nợ tiền gốc, tiền lãi cho bà H nên phải chịu hậu quả pháp lý và không chấp nhận ý kiến này của bà Y về việc chỉ vay số tiền gốc đã thanh toán là 60.000.000đồng cùng lãi suất và không vay số tiền 150.000.000đồng này.

Căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay nợ tiền có các khoản nợ trên phù hợp lời khai của bà H là người cho vay, phù hợp với sự thừa nhận của bà Y về việc 04 giấy biên nhận vay tiền trên là do bà Y viết và ký tên người vay tiền. Bà Y đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc đã thanh toán các khoản nợ 210.000.000đồng này nên có cơ sở xác định bà Y là người giao dịch vay

tiền của bà H. Số tiền gốc đến nay bà Y còn nợ bà H là 210.000.000đồng chưa trả. Nay bà H chỉ yêu cầu bà Y có nghĩa vụ trả nợ bà H số tiền gốc chưa trả là 210.000.000đồng nên cần chấp nhận yêu cầu này.

[7] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Nay bà H không yêu cầu bà Y phải trả lãi 0,75%/tháng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với tổng số tiền vay gốc 210.000.000đồng. Đây là ý chí tự nguyện, không trái pháp luật và thể hiện quyền tự định đoạt của đương sự nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này theo Điều 244 BLTTDS.

[8] Đối với 03 tấm ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi tấm rộng 80cm, dày 10 cm, dài 03m và 02 tấm ván gỗ Sao Xanh có kích thước mỗi tấm rộng 80cm, dày 07 cm, dài 03m tổng trị giá 65.000.000đồng mà các đương sự là bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T khai bán, gán trả nợ cho nhau. Tòa án đã cho đổi chất nhưng không được. Bà H, ông T thì khai 05 tấm gỗ Sao Xanh không liên quan đến vụ án tranh chấp này. Nay bà Y, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nên sau này giữa các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[9] Vợ chồng bà Chu Thị Y, ông Hoàng Phúc K khai: Các lần vay tiền của bà H trên thì ông K (CH bà Y) không tham gia giao dịch vay tiền, số tiền bà Y vay cá nhân, không dùng vào nhu cầu thiết yếu hoặc phát triển kinh tế gia đình. Lời khai của bà Y, ông K phù hợp với lời khai của bà H về việc chỉ có bà Y là người trực tiếp giao dịch, ký nhận vay tiền. Mặt khác, bà H chỉ yêu cầu bà Y có nghĩa vụ trả nợ nên ông K không liên quan.

Ông Nguyễn Văn T (chồng bà H) xác định số tiền gốc 210.000.000đồng mà bà H cho bà Y vay không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nên ông T không liên quan.

[10] Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Chu Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 194, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc bà Chu Thị Y có nghĩa vụ trả bà Trần Thị H tổng số tiền gốc là: 210.000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị H về yêu cầu bà Chu Thị Y trả lãi 0,75%/tháng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với tổng số tiền vay gốc 210.000.000đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Chu Thị Y phải chịu 10.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Trần Thị H 5.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0006430 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ánh Dương